

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LỨC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

Giữa Nguyễn Thị T T và Lê Thanh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Công Danh

2. Bà Nguyễn Anh Thư .

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2017/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2017, về việc tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXX-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 50/2 đường X, KP 2, thị trấn Y, huyện B L, tỉnh Long An

Bị đơn: Anh Lê Thanh N , sinh năm 1984.

Địa chỉ: số A đường Nguyễn V S, ấp T L, xã T P, huyện B L, tỉnh Long An

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Chị Nguyễn Thị T T, anh Lê Thanh N xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 229, ngày 04/12/2009.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của anh N, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 , nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống , tính tình không hợp nhau, anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được biện pháp giải quyết nên chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị T không thể tiếp tục chung sống với anh Lê Thanh N và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị T và anh N chung sống có 02 con chung tên Lê Thiên Phúc, sinh ngày: 12/12/2010 và Lê Triệu Y, sinh ngày 02/10/2014. Hiện tại chị T đang trực

tiếp nuôi dưỡng cháu P và cháu Y. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị T cung cấp cho Tòa án gồm: 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh Lê Thanh N trình bày tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2017 và tại phiên tòa thống nhất với chị T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, còn về mâu thuẫn có đúng một phần do trước đây anh bị suy nhược thần kinh phải đi điều trị tại bệnh viện 2 tháng, lúc bị bệnh anh có lời lẽ nặng lời với chị T, hiện tại sức khỏe đã ổn định, và đã có việc làm yêu cầu được đoàn tụ, anh vẫn còn thương vợ đã biết lỗi, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Về nuôi con chung: Anh và chị T chung sống sinh được 02 con chung như lời trình bày của chị T là đúng.

Về tài sản chung; Nợ chung: Anh N xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị T T khởi kiện ly hôn với anh Lê Thanh N. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Chị Nguyễn Thị Trang T, anh Lê Thanh N xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 229, ngày 04/12/2009. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T T đối với anh Lê Thanh N, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống, nhìn chung có đảm bảo hạnh phúc, sinh được 02 con chung. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và tính tình không hợp nhau, từ đó dẫn đến cãi vã nhau hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết và vẫn sống ly thân. Chị T quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn và tại phiên tòa, vẫn kiên quyết ly hôn, tại phiên tòa anh N không đồng ý. Chị T và anh N đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau, anh N không có phương pháp để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, chị T không còn tình cảm với anh N, từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T T.

[4] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lê Thiên P, sinh ngày: 12/12/2014 và Lê Triệu Y, sinh ngày:

02/10/2014 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, từ khi cháu P và cháu Y sinh ra cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và hai cháu phát triển bình thường, và hiện tại chị T buôn bán tạp hóa nên có thu nhập ổn định, do đó chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi con

[5] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T. Do đó, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung; Nợ chung: Chị T, anh N đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 9; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T T với anh Lê Thanh N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T T được ly hôn với anh Lê Thanh N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Thiên P, sinh ngày 12/12/2010 và Lê Triệu Y, sinh ngày: 02/10/2014 cho chị Nguyễn Thị T T trực tiếp nuôi dưỡng anh Lê Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05562 ngày 08/8/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND Thị trấn Bến Lức;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng